TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **22**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 12 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Trịnh Ngọc X**, sinh năm 1978; Địa chỉ: 28 T, phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Như H1**, sinh năm 1982; Địa chỉ: 10/16 V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Trịnh Ngọc X và chị Nguyễn Như H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Trịnh Ngọc X và chị Nguyễn Như H1 có 02 con chung tên là Nguyễn Xuân N, sinh ngày 30/01/2011 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 12/3/2015. Cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với anh X.

Anh X và chị H1 tự nguyện thỏa thuận: Giao cả 02 cháu Nguyễn Xuân N và Nguyễn Xuân Đ cho anh X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành; chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trịnh Ngọc X và chị Nguyễn Như H1 tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Anh Nguyễn Trịnh Ngọc X và chị Nguyễn Như H1 đều xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Trịnh Ngọc X và chị Nguyễn Như H1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh X tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh X đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003006 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, anh X được hoàn trả lại 150.000 đồng.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường P
(ĐKKH số 118 ngày 18/11/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hồng